Thư Thứ Nhất của Phao-lô gửi Ti-mô-thê (1 Ti-mô-thê)

Mục-đích: *Cho Ti-mô-thê, người lãnh-đạo trẻ tuổi, lời khuyến-khích và chỉ-dẫn*

Người viết**:** *Phao-lô*

Gửi cho: *Ti-mô-thê, người lãnh-đạo trẻ tuổi, và tất cả Cơ-rít-nhân mọi nơi*

Ngày viết: *Vào năm 64 SC (Sau Cơ-rít-tô Giáng-sinh) từ Rô-ma hay Ma-xê-đoan (có thể là tại Phi-líp), có lẽ trước khi Phao-lô bị bỏ tù lần chót tại Rô-ma.*

Bối-cảnh: *Ti-mô-thê là một trong những người bạn đồng-hành thân-cận nhất của Phao-lô. Phao-lô đã sai Ti-mô-thê đến hội-thánh Ê-phê-sô để chống lại lời dạy sai lầm đã nổi lên ở đó (1 Ti-mô-thê 1.3-1.4). Ti-mô-thê có lẽ đã hầu-việc trong một thời-gian với tư-cách là người lãnh-đạo trong hội-thánh Ê-phê-sô. Phao-lô hy-vọng đến thăm Ti-mô-thê (1 Ti-mô-thê 3.14-3.15; 4.13), nhưng bấy giờ, ông viết lá thư này cho Ti-mô-thê với những lời cố-vấn thực-tiễn cho mục-vụ.*

Câu gốc: "Chớ để ai khinh-khi tuổi trẻ của ngươi, nhưng trong lời nói, cách cư-xử, tình thương, đức-tin và sự thanh-sạch, ngươi hãy tỏ ra là gương-mẫu của những người tin." (4.12)

Nhân-vật chính: *Phao-lô, Ti-mô-thê*

Chỗ chính: *Ê-phê-sô*

Nét đặc-trưng: *Thư 1 Ti-mô-thê là bức thư cá-nhân và cũng là sách chỉ-nam về hành-chánh và kỷ-luật trong hội-thánh.*

Ý chính: *Không cố-gắng, chúng ta noi gương cha mẹ và người xung-quanh để có phẩm-giá mình. Đặc biệt cha mẹ tỏ ra cho con cái mình biết điều họ xem là quan-trọng. "Cha nào, con nấy" là câu thường nói đến trong xã-hội. Ti-mô-thê là một thí-dụ của một người chịu nhiều ảnh-hưởng của mẹ là Ơ-nít và của bà ngoại là Lô-ít, là những Cơ-rít-nhân Giu-đa, trong việc tăng-trưởng đời sống thuộc linh (2 Ti-mô-thê 1.5; 3.15). Là thế-hệ Cơ-rít-nhân thứ nhì, Ti-mô-thê trở thành người được Phao-lô bảo-trợ và là người coi-sóc hội-thánh Ê-phê-sô. Là người chăn trẻ tuổi, Ti-mô-thê đã đối diện với đủ loại áp-lực, xung-đột, và thử-thách từ hội-thánh và văn-hóa xung-quanh. Để khuyên-bảo và khích-lệ Ti-mô-thê, Phao-lô đã viết và gửi bức thư cá-nhân này.*

Phao-lô viết thư 1 Ti-mô-thê này vào khoảng năm 64 SC, có lẽ chỉ vừa sau khi ở tù tại Rô-ma. Vì kháng-cáo lên hoàng-đế, Phao-lô bị ở tù tại Rô-ma (Công-vụ 25-28), hẳn được thả vào năm 64 SC vì quá hạn tạm-giam. Sau năm đó, ông có lẽ tiếp-tục du-hành. Trong thời-gian này, ông viết các bức thư 1 Ti-mô-thê và Tít. Tuy nhiên, liền sau đó khi Nê-rô làm hoàng-đế, thì có chiến-dịch tận-diệt Cơ-rít-giáo. Đã tin rằng: trong thời-gian này sứ-đồ Phao-lô lại bị bắt và bị hành-quyết. Trong khi ở tù lần thứ hai tại Rô-ma, ông viết bức thư 2 Ti-mô-thê; và hai lá thư gửi cho Ti-mô-thê, 1 Ti-mô-thê và 2 Ti-mô-thê, được gọi là "thư người chăn," gửi cho các vị lãnh-đạo hội-thánh những chỉ-dẫn quan-trọng.

Trong 1 Ti-mô-thê, Phao-lô xác-nhận sự liên-hệ giữa hai người, Phao-lô và Ti-mô-thê (1.2). Ông viết thư cho lời chỉ-dẫn như cha viết thư cho con, cho biết trước về các giáo-sư giả (1.3-1.11) và khuyên anh ấy nắm chặt đức-tin mình đặt nơi Cơ-rít-tô (1.12-1.20).

Đoạn, Phao-lô nói đến việc thờ-phượng công-cộng, nhấn-mạnh đến sự quan-trọng của cầu-nguyện (2.1-2.7) và thứ-tự trong buổi thờ-phượng (2.8-2.15). Điều này đưa đến bàn-luận về phẩm-chất của những người lãnh-đạo trong hội-thánh—các người chăn và những chấp-sự. Ở đây, Phao-lô đưa ra các tiêu-chuẩn cho mỗi chức-vụ (3.1-3.16). Phao-lô lại nói tới các giáo-sư giả, chỉ cho Ti-mô-thê biết cách nhận diện họ và cách đáp-ứng (4.1-4.16). Kế, ông cho những lời cố-vấn về việc coi-sóc người già và người trẻ (5.1-5.2), người góa-bụa (5.3-5.16), các trưởng-lão (5.17-5.25), và các người nô-lệ (6.1-6.2).

Phao-lô kết-luận bằng cách khuyến-khích Ti-mô-thê gìn-giữ động-lực của mình (6.3-6.10), đứng vững trong đức-tin (6.11-6.12), sống không trách được (6.13-6.16), và làm mục-vụ một cách trung-tín (6.17-6.21).

Sách 1 Ti-mô-thê có nhiều bài học. Nếu quý vị là người lãnh-đạo hội-thánh, xin để ý đến mối liên-hệ của Phao-lô với môn-đồ trẻ tuổi này—sự hướng-dẫn và lời khuyên-bảo cẩn-thận của ông. Xin đo-lường chính mình với các phẩm-

hạnh mà Phao-lô nêu ra cho người coi-sóc và chấp-sự. Nếu là người trẻ trong đức-tin, xin theo gương các nhà lãnh-đạo Cơ-rít-nhân kinh-sợ Đức Chúa TRỜI, như Ti-mô-thê bắt chước Phao-lô. Là cha mẹ, xin như người mẹ và bà ngoại trung-tín hướng-dẫn Ti-mô-thê tin Chúa Giê-xu.

1Ti-mô-thê 1.1-1.11

1. Các lời chỉ-dạy về niềm tin đúng (1.1-1.20)

Lời chào-thăm mở đầu (1.1-1.2)

1 **1**Phao-lô, một sứ-đồ của Cơ-rít-tô Giê-xu, theo mạng-lệnh của *Đức* Chúa TRỜI[(1)] Cứu-Chúa của chúng ta, và của Cơ-rít-tô Giê-xu, *là* hy-vọng của chúng ta;
2*Gửi* cho Ti-mô-thê, đứa con thật *của ta* trong đức-tin: Ân-điển, khoan-dung, *và* bình-an từ *Đức* Chúa TRỜI *là* Cha và Cơ-rít-tô Giê-xu Chúa của chúng ta.

Phao-lô cảnh-cáo về các giáo-sư giả (1.3-1.11)

3Trong khi khởi hành tới Ma-xê-đoan, ta đã khuyến-khích ngươi ở lại Ê-phê-sô, để ngươi có thể bảo một số người nhất định chớ giảng-dạy các giáo-lý lạ, 4cũng đừng chú ý tới các chuyện hoang-đường và các gia-phổ dài lê thê, là những điều gây nên sự phỏng-đoán mà thôi thay vì *thúc đẩy* sự cung cấp của *Đức* Chúa TRỜI, là điều bởi đức-tin. 5Nhưng mục-tiêu của lời răn của chúng ta là tình thương từ một tâm lòng trong sạch và một lương-tâm tốt và một đức-tin thành-thật. 6Vì một số người, đi lạc khỏi những điều này, đã xoay qua tới sự tranh-luận vô ích, 7muốn làm thầy của Luật-pháp, mặc dầu họ không hiểu hoặc là điều họ đang nói, hoặc là các vấn-đề mà họ quả quyết. 8Nhưng chúng ta biết rằng Luật-pháp là tốt, nếu người ta dùng nó một cách hợp-pháp, 9ý thức được sự kiện rằng luật-pháp không được lập ra cho người công-chính, song cho những kẻ vô luật-lệ và phản-nghịch, cho những kẻ không tin-kính và các phạm-nhân, cho những kẻ không thánh và báng-bổ, cho những kẻ giết cha hay mẹ của chúng, cho những kẻ giết người, 10cho những kẻ vô luân, cho những kẻ đồng-tính luyến-ái, cho những kẻ bắt cóc, cho những kẻ nói dối, cho những kẻ thề dối, và bất cứ cái gì khác trái nghịch với sự giảng dạy đúng, 11theo tin-lành vinh-quang của *Đức* Chúa TRỜI đáng chúc-tụng, mà ta đã được ủy-nhiệm.

[1]Ghi-chú: el, 'Alòhim, theos, God là Đấng Tạo-hóa của vũ-trụ (mà el, god được chuyển-ngữ là thần). Người Việt dùng danh-từ riêng "Ông Trời" để gọi Đấng Tạo-hóa; thêm chữ Chúa, Chúa Trời, để làm danh-từ riêng của Đấng Tạo-hóa, vị Thần độc nhất vô nhị; thêm chữ Đức để tỏ lòng tôn-kính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là danh-từ riêng của Đấng Tạo-hóa vũ-trụ.

1 Timothy 1.1-1.11

1. Instructions on right belief (1.1-1.20)

The open greeting (1.1-1.2)

1 **1**Paul, an apostle of Christ Jesus according to the commandment of God our Savior, and of Christ Jesus, *who is* our hope,
2To Timothy, *my* true child in *the* faith: Grace, mercy, *and* peace from God the Father and Christ Jesus our Lord.

Paul warns about false teachers (1.3-1.11)

3As I urged you while departing for Macedonia, to remain on at Ephesus, in order that you may instruct certain men not to teach strange doctrines, 4nor to pay attention to myths and endless genealogies, which give rise to mere speculation rather than *furthering* the God's provision which is by faith. 5But the goal of our commandment is love from a pure heart and a good conscience and a sincere faith. 6For some men, straying from these things, have turned aside to fruitless discussion, 7wanting to be teachers of the Law, even though they do not understand either what they are saying or the matters about which they make confident assertions. 8But we know that the Law is good, if one uses it lawfully, 9realizing the fact that law is not made for a righteous person, but for those who are lawless and rebellious, for the ungodly and sinners, for the unholy and profane, for those who kill their fathers or mothers, for murderers, 10for immoral men, for homosexuals, for kidnappers, for liars, for perjurers, and whatever else is contrary to sound teaching, 11according to the glorious gospel of the blessed God, with which I have been entrusted.

1 Timothy 1.12-2.2

God's mercy on Paul (1.12-1.17)

12I thank Christ Jesus our Lord, who has strengthened me, because He considered me faithful, putting me into service, 13even though I was formerly a blasphemer and a persecutor and a violent aggressor. And yet I was shown mercy, because I acted ignorantly in unbelief; 14and the grace of our Lord was more than abundant, with the faith and love which are *found* in Christ Jesus. 15It is a trustworthy statement, deserving full acceptance, that Christ Jesus came into the world to save sinners, among whom I am foremost *of all*. 16And yet for this reason I found mercy, in order that in me as the foremost, Jesus Christ might demonstrate His perfect patience, as an example for those who would believe in Him for eternal life. 17Now to the King of the ages, immortal, invisible, the only God, *be* honor and glory forever and ever. Amen.

Cling tightly to the faith (1.18-1.20)

18This command I entrust to you, Timothy, *my* child, in accordance with the prophecies previously made concerning you, that by them you may fight the good fight, 19keeping faith and a good conscience, which some have rejected and suffered shipwreck in regard to their faith. 20Of these are Hymenaeus and Alexander, whom I have delivered over to Satan, so that they will be taught not to blaspheme.

2. Instructions for the church (2.1-3.16)

Instructions about worship: lifting up holy hands (2.1-2.8)

2 1 First of all, then, I urge that entreaties *and* prayers, petitions *and* thanksgivings, be made on behalf of all men, 2for kings and all who are in authority, in order that we may lead a tranquil and quiet life in all godliness and dignity.

1 Ti-mô-thê 1.12-2.2

Sự khoan-dung của Đức Chúa Trời trên Phao-lô (1.12-1.17)

12Ta cảm-tạ Cơ-rít-tô Giê-xu, Chúa của chúng ta, đã làm cho ta mạnh mẽ, vì Ngài đã xem ta là trung-tín, đặt ta vào sự phục-vụ, 13mặc dầu trước kia ta đã là một kẻ phạm-thượng và một kẻ bắt bớ và một kẻ công-kích hung bạo. Và tuy vậy ta đã được khoan-dung, vì ta đã hành-động ngu-muội trong sự không tin; 14và ân-điển của Chúa chúng ta đã nhiều hơn là dư-dật, với đức-tin và tình thương *được thấy* trong Cơ-rít-tô Giê-xu. 15Ấy là lời phát-biểu đáng tin-cậy, xứng-đáng được chấp-nhận hoàn-toàn, rằng Cơ-rít-tô Giê-xu đã đến trong thế-gian để cứu tội nhân, ở giữa họ ta đứng đầu *hết thảy*. 16Và tuy vậy vì lý-do này ta đã tìm được sự khoan-dung, để trong ta, là kẻ đứng đầu, Giê-xu Cơ-rít-tô đã có thể biểu lộ lòng kiên-nhẫn hoàn-hảo của Ngài, như là một tấm gương cho những kẻ muốn tin Ngài để được sự sống đời đời. 17Bây giờ *thuộc* về Ông Vua của các thời-kỳ, bất tử, không thấy được, *Đức* Chúa TRỜI độc-nhất *là* danh-dự và vinh-quang đời đời và vô-cùng[1]. A-men.

Bám-chặt lấy đức-tin (1.18-1.20)

18Mạng-lệnh này ta ủy-thác cho ngươi, hỡi Ti-mô-thê, đứa con của ta, theo các lời tiên-tri trước kia được lập về ngươi, rằng ngươi có thể đánh trận đánh tốt-lành bởi chúng, 19giữ đức-tin và lương-tâm tốt, mà một số đã bác-bỏ và chịu thất bại hoàn toàn về đức-tin của họ. 20Trong những kẻ này là Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ, mà ta đã phó cho Sa-tan, để chúng sẽ được dạy không nói phạm-thượng.

2. Các lời chỉ-dẫn cho hội-thánh (2.1-3.16)

Chỉ-dẫn về việc thờ-phượng: giơ các bàn tay thánh lên (2.1-2.8)

2 1 Thế thì, trước hết ta cố-nài rằng các lời khẩn-cầu *và* các lời cầu-nguyện, các lời cầu-xin *và* các lời cảm-tạ, được làm thay mặt mọi người, 2cho các vua và mọi người ở trong quyền-lực, để chúng ta có thể sống một cuộc đời trầm lặng và thanh bình trong mọi tin-kính và phẩm-giá.

[1]nguyên ngữ: tới các thời kỳ của các thời kỳ, to the ages of the ages

3Đây là tốt và chấp-nhận được trước mắt của
Đức Chúa TRỜI Cứu-Chúa của chúng ta,
4Ngài muốn mọi người được cứu và đạt đến sự
nhận-biết lẽ-thật. 5Vì có một *Đức* Chúa TRỜI,
và cũng *có* một Đấng Trung-bảo[1] giữa *Đức*
Chúa TRỜI và loài người, con người Cơ-rít-tô
Giê-xu, 6là Đấng đã phó chính Ngài làm giá
chuộc cho tất cả, chứng cớ đó *được ban cho* tại
thời điểm riêng của nó. 7Vì điều này ta đã được
bổ-nhiệm làm một người thuyết-giảng và một
sứ-đồ (ta đang nói thật[2], ta không nói dối) với
tư-cách là một giáo-viên của các dân Ngoại-
bang trong đức-tin và lẽ thật.

8Bởi vậy ta muốn các ông ở mọi nơi cầu-
nguyện, giơ các bàn tay thánh lên, không giận
dữ và bất-hòa.

Các chỉ-dẫn về thờ-phượng: vị-trí người đàn-bà trong hội-thánh (2.9-2.15)

9Tương-tự, *ta muốn* các bà trang-điểm cho
mình bằng trang-phục thích-hợp, vừa phải và
kín-đáo, không có bím tóc và vàng hay ngọc
trai hay áo-quần đắt tiền, 10nhưng bằng các
việc làm lành, hợp với các bà nhận *mình* là tin-
kính. 11Đàn-bà[3] phải yên-lặng nhận lời chỉ
dạy với sự phục tùng hoàn-toàn. 12Song ta
không cho phép một người đàn-bà dạy-dỗ hay
sử dụng quyền-lực trên một người đàn-ông[4],
nhưng giữ yên-lặng. 13Vì chính A-đam đã
được sáng-tạo trước, *và* kế đó Ê-va. 14Và
chẳng phải A-đam đã bị lừa dối, nhưng người
đàn-bà đó đúng là đã bị lừa dối, đã vi-phạm.
15Nhưng *các bà* sẽ được cứu qua việc sinh con
nếu họ tiếp-tục trong đức-tin và tình thương và
sự nên thánh với sự tự kiềm-chế.

Các tiêu-chuẩn cho những người lãnh-đạo hội-thánh (3.1-3.13)

3 1Đây là lời phát-biểu đáng tin-cậy: nếu người
đàn-ông nào mong-mỏi chức-vụ giám-mục, ấy
là một việc làm cao quý mà người mong muốn.
2Người giám-mục ấy, thế thì, phải không trách
được, chồng của một vợ, có tiết-độ, thận-trọng,
đáng kính, hiếu khách, có khả-năng dạy-dỗ,

[1]Đấng Trung-gian Hòa-giải
[2]bản Anh-ngữ khác thêm: trong Christ
[3]hay: người vợ
[4]hay: chồng

3This is good and acceptable in the sight of
God our Savior, 4who desires all men to be
saved and to come to the knowledge of the
truth. 5For there is one God, *and* one mediator
also between God and men, *the* man Christ
Jesus, 6who gave Himself as a ransom for all,
the testimony *given* at its own time. 7For this I
was appointed a preacher and an apostle (I am
telling the truth, I am not lying) as a teacher of
the Gentiles in faith and truth.

8Therefore I want the men in every place to
pray, lifting up holy hands, without wrath and
dissension.

Instructions about worship: women's position in the church (2.9-2.15)

9Likewise, *I want* women to adorn themselves
with proper clothing, with modesty and
discreetness, not with braided hair and gold or
pearls or costly garments, 10but rather by
means of good works, as befits women making
a claim to godliness. 11Let a woman must
silently receive instruction with entire
submissiveness. 12But I do not allow a woman
to teach or exercise authority over a man, but to
remain silent. 13For it was Adam who was first
created, *and* then Eve. 14And *it was* not Adam
who was deceived, but the woman being quite
deceived, fell into transgression. 15But *women*
will be saved through the bearing of children if
they continue in faith and love and sanctity with
self-restraint.

Standards for church leaders (3.1-3.13)

3 1 It is a trustworthy statement: if any man
aspires to the office of overseer, it is a fine
work he desires *to do*. 2The overseer, then,
must be above reproach, the husband of one
wife, temperate, prudent, respectable,
hospitable, able to teach,

1 Timothy 3.3-3.16

3not addicted to wine, not pugnacious, but gentle, uncontentious, free from the love of money. 4*He must be* one who manages his own household well, keeping his children under control with all dignity 5(but if a man does not know how to manage his own household, how will he take care of the church of God?), 6*and* not a recent convert, lest he become conceited and fall into the condemnation incurred by the devil. 7And he must have a good reputation with those outside *the church*, so that he will not fall into reproach and the snare of the devil. 8Deacons likewise *must be* men of dignity, not double-tongued, not addicted to much wine, not fond of sordid gain, 9*but* holding to the mystery of the faith with a clear conscience. 10And let these men also first be tested; then let them serve as deacons if they are beyond reproach. 11Women *must* likewise *be* dignified, not malicious gossips, but temperate, faithful in all things. 12Let deacons be husbands of *only* one wife, *and* managing well *their* children and their own households. 13For those who have served well as deacons obtain for themselves a good standing and great confidence in the faith that is in Christ Jesus.

The mystery of our religion (3.14-3.16)

14I am writing these things to you, hoping to come to you before long; 15but if I delay, *I write* so that you may know how one ought to conduct himself in the household of God, which is the church of the living God, the pillar and support of the truth. 16And by common confession, great is the mystery of godliness:

He who was revealed in the flesh,
Was justified in the Spirit,
Beheld by angels,
Proclaimed among the nations,
Believed on in the world,
Taken up in glory.

1 Ti-mô-thê 3.2-3.16

3không ghiền rượu, không thích đánh nhau, nhưng hòa-nhã, không hay tranh dành, thoát khỏi tính tham tiền. 4*Người ấy phải* khéo trông nom chính gia-hộ của mình, kềm-chế được con cái của mình với mọi phẩm-hạnh 5(nhưng nếu một người không biết trông nom chính gia-hộ của mình thế nào, thì làm sao hắn sẽ coi-sóc hội-thánh của *Đức* Chúa TRỜI?); 6*và* không là một người mới đổi đạo, e rằng kẻ đó trở nên tự phụ và sa vào sự kết-án do quỷ-vương gây ra. 7Và người phải có tiếng tốt với những kẻ ở ngoài *hội-thánh*, ngõ hầu người sẽ chẳng rơi vào điều sỉ nhục và bẫy của quỷ-vương. 8Các chấp-sự cũng vậy *phải* là những ông có phẩm-hạnh, không có lối nói hàng hai, không ghiền rượu, không tham lợi bẩn-thỉu, 9nhưng nắm giữ lẽ mầu-nhiệm của đức-tin với lương-tâm trong sạch. 10Và hãy để những người này trước tiên cũng chịu thử-thách; sau đó hãy để họ phục-vụ làm chấp-sự nếu họ không trách được. 11Tương-tự như vậy các bà[1] *phải* có phẩm-hạnh, không là những kẻ đồn miệng độc địa, nhưng có tiết-độ, trung-tín trong mọi việc. 12Các chấp-sự là chồng của *chỉ* một vợ, và khéo trông nom con cái của họ và chính gia-hộ của họ. 13Vì những kẻ phục-vụ tốt với tư cách là chấp-sự *thì* đạt được cho chính họ một địa-vị tốt và lòng tín-nhiệm lớn trong đức-tin ở trong Cơ-rít-tô Giê-xu.

Mầu-nhiệm của tôn-giáo chúng ta (3.14-3.16)

14Ta đang viết các điều này cho ngươi, hy-vọng chẳng bao lâu sẽ đến cùng ngươi; 15nhưng nếu ta chậm-trễ, ta viết để ngươi biết phải cư-xử thể nào trong gia-hộ của *Đức* Chúa TRỜI, là hội-thánh của *Đức* Chúa TRỜI sống, cột trụ và sự chống đỡ của lẽ-thật. 16Và bởi sự xưng-nhận chung: vĩ-đại thay là lẽ mầu-nhiệm của sự kính-Chúa:

Đấng đã được lộ ra trong xác-thịt,
Được xưng công-chính trong Linh,
Được các thiên-sứ ngắm nhìn,
Được công-bố giữa các dân-tộc,
Được tin-nhận trong thế-giới,
Được cất lên trong vinh-quang.

[1]hay: các vợ của họ, hoặc: các nữ chấp-sự

3. Những chỉ-dẫn cho các trưởng-lão (4.1-6.21)

Phao-lô hướng dẫn để dạy dỗ, và cảnh-cáo về giáo-sư giả (4.1-4.5)

4 **1**Nhưng Linh nói trắng ra rằng trong các thời-kỳ đến sau, một số sẽ rời bỏ đức-tin, chú ý đến các linh lừa-dối và các giáo-lý của các quỷ-sứ, 2bằng phương tiện giả-hình của những kẻ nói dối đã làm chai đi chính lương-tâm của họ như với thanh sắt nung đóng dấu[1], 3*người ta* cấm cưới gả *và chủ-trương* kiêng các loại thức ăn mà *Đức* Chúa TRỜI đã sáng-tạo để được chia sẻ với lòng biết ơn bởi những kẻ tin và biết lẽ-thật. 4Vì mọi vật được *Đức* Chúa TRỜI sáng-tạo đều tốt, và không được bác bỏ vật gì, nếu nó được nhận với lòng biết ơn; 5vì nó được làm nên thánh bằng lời của *Đức* Chúa TRỜI và cầu nguyện.

Phao-lô cho đường-lối dạy dỗ: nhiệm-vụ của Ti-mô-thê (4.6-4.16)

6Khi chỉ ra các điều này cùng anh em, ngươi sẽ là một tôi-tớ tốt của Cơ-rít-tô Giê-xu, được nuôi bởi các lời của đức-tin và của giáo-lý đúng mà ngươi đã và đang theo. 7Nhưng đừng dính-dáng gì với các chuyện bày đặt thuộc thế gian chỉ hợp cho các bà già. Mặt khác, hãy kỷ luật mình vì mục-đích của sự tin-kính, 8vì rèn-luyện thân-thể chỉ có ích-lợi một chút, nhưng sự tin-kính có ích-lợi cho mọi việc, vì nó nắm giữ lời hứa cho đời hiện-tại và *cũng* cho *đời* hầu đến. 9Ấy là một lời phát-biểu đáng tin-cậy xứng đáng được chấp-nhận hoàn-toàn. 10Ấy là vì điều này[2] mà chúng ta lao nhọc và phấn đấu, vì chúng ta đã neo hy-vọng của mình vào *Đức* Chúa TRỜI sống, là Cứu-Chúa của mọi người, đặc-biệt là của những kẻ tin. 11Hãy truyền ra và dạy các điều này. 12Chớ để ai khinh-khi tuổi trẻ của ngươi, nhưng trong lời nói, cách cư-xử, tình thương, đức-tin *và* sự trong sạch, ngươi hãy tỏ ra là gương-mẫu của những người tin. 13Cho đến khi ta đến, hãy chú ý đến việc đọc *Thánh-Kinh*, cho sự khích-lệ và sự giảng-dạy.

[1]nghĩa là: lương tâm đã chai-lì
[2]hay: cũng bởi cớ đó mà

3. Instructions for elders (4.1-6.21)

Paul gives guidelines for teaching, and warns against false teachers (4.1-4.5)

4 **1**But the Spirit explicitly says that in later times some will fall away from the faith, paying attention to deceitful spirits and doctrines of demons, 2by means of the hypocrisy of liars seared in their own conscience as with a branding iron, 3*men* who forbid marriage *and advocate* abstaining from foods, which God has created to be gratefully shared in by those who believe and know the truth. 4For everything created by God is good, and nothing is to be rejected, if it is received with gratitude; 5for it is sanctified by means of the word of God and prayer.

Paul gives the way to teach; Timothy's duty (4.6-4.16)

6In pointing out these things to the brethren, you will be a good servant of Christ Jesus, *constantly* nourished on the words of the faith and of the sound doctrine which you have been following. 7But have nothing to do with worldly fables fit only for old women. On the other hand, discipline yourself for the purpose of godliness; 8for bodily discipline is only of little profit, but godliness is profitable for all things, since it holds promise for the present life and *also* for the *life* to come. 9It is a trustworthy statement deservingfull accepta nce. 10For it is for this we labor and strive, because we have fixed our hope on the living God, who is the Savior of all men, especially of believers. 11Prescribe and teach these things. 12Let no one look down on your youthfulness, but *rather* in speech, conduct, love, faith *and* purity, show yourself an example of those who believe. 13Until I come, give attention to the *public* reading *of Scripture*, to exhortation and teaching.

1 Timothy 4.14-5.10

14Do not neglect the spiritual gift within you,
which was bestowed upon you through
prophetic utterance with the laying on of hands
by the presbytery. 15Take pains with these
things; be *absorbed* in them, so that your
progress will be evident to all. 16Pay close
attention to yourself and to your teaching;
persevere in these things, for as you do this you
will save both yourself and those who hear you.

Caring for different groups in the church: older and younger (5.1-5.2)

5 **1**Do not sharply rebuke an older man, but
rather appeal to *him* as a father, *to* the younger
men as brothers, 2the older women as mothers,
and the younger women as sisters, in all purity.

Caring for different groups in the church: windows (5.3-5.16)

3Honor widows who are widows indeed; 4but
if any widow has children or grandchildren, let
them first learn to practice piety in regard to
their own family, and to give back recompenses
to their parents; for this is acceptable in the
sight of God. 5Now she who is a widow indeed,
and who has been left alone, has fixed her hope
on God, and continues in entreaties and prayers
night and day. 6But she who gives herself to
wanton pleasure is dead even while she lives.
7Prescribe these things as well, so that they
may be above reproach. 8But if anyone does
not provide for his own, and especially for
those of his household, he has denied the faith,
and is worse than an unbeliever. 9Let a widow
be put on the list only if she is not less than
sixty years old, *having been* the wife of one
man, 10having a reputation for good works;
and if she has brought up children, if she has
shown hospitality to strangers, if she has
washed the saints' feet, if she has assisted those
in distress, *and* if she has devoted herself to
every good work.

1 Ti-mô-thê 4.14-5.10

14Đừng bỏ bê ân-tứ thuộc-linh ấy bên trong
ngươi, đã được ban trên ngươi qua lời phát-biểu
tiên-tri với việc đặt tay lên bởi hội-đồng các
trưởng-lão[1]. 15Hãy chịu cực khổ với các điều
này, hãy *ngập chìm* trong chúng, để sự tấn-tới
của ngươi sẽ là hiển-nhiên đối với tất cả. 16Hãy
chú ý kỹ vào ngươi và vào sự giảng-dạy của
ngươi; hãy bền chí trong các việc này, vì khi
ngươi làm điều này, ngươi sẽ cứu cả chính
ngươi lẫn những kẻ nghe ngươi.

Săn-sóc các nhóm khác nhau trong hội-thánh: già và trẻ (5.1-5.2)

5 **1**Chớ trách-mắng nặng-nề một người lớn tuổi
hơn, song hãy thỉnh-cầu ông như một người
cha, *còn* các ông trẻ hơn *thì* như anh em, 2các
bà lớn tuổi *thì* như mẹ, *và* các người nữ nhỏ
tuổi hơn *thì* như chị em, trong sự thanh-sạch
hoàn-toàn.

Săn-sóc các nhóm khác nhau trong hội-thánh: các bà góa (5.3-5.16)

3Hãy kính-trọng các góa-phụ, là những người
thật sự là góa; 4song nếu bà góa nào có con cái
hoặc cháu nội ngoại, hãy trước hết để họ tập
thực-hành lòng hiếu-thảo đối với chính gia-đình
của họ, và để trả ơn cho cha mẹ của họ; vì điều
này chấp-nhận được trước mắt của *Đức* Chúa
TRỜI. 5Bây giờ bà là người quả thật là góa, và
là người đã bị bỏ lại một mình, đã neo hy-vọng
của bà vào *Đức* Chúa TRỜI, và tiếp-tục trong
các sự khẩn-cầu và các lời cầu-nguyện đêm và
ngày. 6Nhưng còn bà phó mình cho thú vui vô
luân, *bà ta* chết cả trong khi bà sống. 7Cũng
hãy truyền ra các điều này, ngõ hầu họ không
trách được. 8Nhưng nếu người nào không cung-
cấp cho chính người của mình, và đặc-biệt là
không cho những người của gia-hộ mình, kẻ đó
đã phủ-nhận đức-tin, và là tệ hơn một kẻ không
tin. 9Chỉ để một bà góa vào danh-sách nếu bà
không trẻ hơn 60 tuổi, *đã là*[2] người vợ của 1
ông, 10có tiếng tốt về các việc làm lành; *và* nếu
bà đã nuôi-dưỡng con cái, nếu bà đã tỏ ra hiếu
khách đối với những người lạ, nếu bà đã rửa
chân các thánh-đồ, nếu bà đã giúp-đỡ những kẻ
trong nỗi đau buồn, *và* nếu bà đã dâng mình
cho mọi việc lành.

---

[1]presbytery or board of elders, hội-đồng các trưởng-lão
[2]bản khác: married only once; có chồng chỉ một lần

1 Ti-mô-thê 5.11-5.23

11Nhưng đừng bỏ các bà góa trẻ hơn *vào danh-sách*, vì khi họ cảm thấy thèm nhục-dục mà không đếm xỉa đến Cơ-rít-tô, họ muốn thành lập gia đình, 12*như vậy* mắc phải sự kết án, vì họ đã bỏ qua lời nguyện trước đây của họ. 13Và cùng một lúc, họ cũng tập ăn không ngồi rồi, khi họ đi vòng vòng từ nhà này sang nhà nọ; và không chỉ ăn không ngồi rồi, nhưng cũng ngồi lê đôi mách và hay xen vào chuyện của người khác, nói về các điều không thích đáng *để nói đến*. 14Bởi vậy, ta muốn gái góa trẻ hơn lập gia đình, sinh con-cái, giữ nhà, *và* không cho kẻ thù một dịp nào để làm nhục; 15vì một số đã xoay qua để đi theo Sa-tan. 16Nếu bà nào là tín-nhân có các bà góa *lệ thuộc mình*, bà đó hãy giúp-đỡ họ, và đừng để hội-thánh chịu gánh nặng, để hội-thánh có thể giúp-đỡ những kẻ góa thật.

Gấp đôi phục cấp cho các trưởng-lão dạy và giảng tin lành (5.17-5.20)

17Hãy để các trưởng-lão cai-trị giỏi được xem là xứng-đáng có gấp đôi vinh-dự[1], đặc-biệt là các người làm việc hết sức cố gắng trong lời. 18Vì Thánh-Kinh nói: "NGƯƠI KHÔNG ĐƯỢC BỊT MÕM CON BÒ TRONG KHI NÓ ĐANG ĐẠP LÚA," và "NGƯỜI LÀM CÔNG XỨNG-ĐÁNG TIỀN-CÔNG CỦA HẮN."[2] 19Đừng nhận lời cáo buộc nào chống lại một trưởng-lão, trừ phi dựa trên cơ-sở của 2 hay 3 nhân-chứng. 20Những kẻ tiếp-tục trong tội, hãy khiển-trách trong sự hiện-diện của tất cả, ngõ hầu phần còn lại cũng sợ *về việc phạm tội*.

Các qui-tắc khác (5.21-5.25)

21Ta long-trọng giao nhiệm-vụ cho ngươi trong sự hiện-diện của *Đức* Chúa TRỜI và của Cơ-rít-tô Giê-xu và của các thiên-sứ được chọn *của Ngài*, phải duy-trì *các nguyên-tắc* này không có thành-kiến, không làm việc gì trong *tinh-thần* thiên-vị. 22Đừng đặt tay trên[3] ai *quá* vội-vàng, và đừng chia sẻ *trách-nhiệm* tội-lỗi của những kẻ khác; hãy giữ mình thanh-sạch. 23Đừng chỉ uống nước không mà thôi, nhưng dùng một ít rượu nho vì cớ tì-vị của ngươi và vì sự đau-yếu thường-xuyên của ngươi.

[1]hay: gấp đôi vật đền-bù (gấp đôi phụ cấp)
[2]Bài giảng của Môi-se 24.15; 25.4; Lê-vi 19.13; 1 Cô-rinh-tô 9.9, 9.14; Ma-thi-ơ 10.10; Lu-ca 10.7
[3]hay: phong-chức (ordain)

1 Timothy 5.11-5.23

11But refuse *to put* younger widows *on the list*, for when they feel sensual desires in disregard of Christ, they want to get married, 12*thus* incurring condemnation, because they have set aside their previous pledge. 13And at the same time they also learn *to be* idle, as they go around from house to house; and not merely idle, but also gossips and busybodies, talking about things not proper *to mention*. 14Therefore, I want younger *widows* to get married, bear children, keep house, *and* give the enemy no occasion for reproach; 15for some have already turned aside to follow Satan. 16If any woman who is a believer has *dependent* widows, let her assist them, and let not the church be burdened, so that it may assist those who are widows indeed.

Double compensation for the preaching and teaching elders (5.17-5.20)

17Let the elders who rule well be considered worthy of double honor, especially those who work hard in word. 18For the Scripture says, "YOU SHALL NOT MUZZLE AN OX WHILE HE IS THRESHING," and "THE LABORER IS WORTHY OF HIS WAGES." 19Do not receive an accusation against an elder except on the basis of two or three witnesses. 20Those who continue in sin, admonish in the presence of all, so that the rest also will be fearful *of sinning*.

Other principles (5.21-5.25)

21I solemnly charge you in the presence of God and of Christ Jesus and of *His* chosen angels, to maintain these *principles* without bias, doing nothing in a *spirit of* partiality. 22Do not lay hands upon anyone *too* hastily and do not share *responsibility for* the sins of others; keep yourself pure. 23No longer drink water *exclusively*, but use a little wine for the sake of your stomach and your frequent ailments.

1 Timothy 5.24-6.9

24The sins of some men are quite evident,
going before them to judgment; for others, their
sins follow after. 25Likewise also, deeds that
are good are quite evident, and those which are
otherwise cannot be concealed.

Slaves (6.1-6.2)

6 **1**Let all who are under the yoke as slaves
regard their own masters as worthy of all honor
so that the name of God and *our* doctrine may
not be spoken against. 2And let those who have
believers as their masters not be disrespectful to
them because they are brethren, but let them
serve them all the more, because those who
partake of the benefit are believers and beloved.
Teach and exhort these *principles*.

Avoid worthless arguments (6.3-6.5)

3If anyone advocates a different doctrine, and
does not agree with sound words, those of our
Lord Jesus Christ, and with the doctrine
conforming to godliness, 4he is conceited *and*
understands nothing; but he has a morbid
interest in controversial questions and disputes
about words, out of which arise envy, strife,
abusive language, evil suspicions, 5and
constant friction between men of depraved
mind and deprived of the truth, who suppose
that godliness is a means of gain.

The love of money is a root of sin (6.6-6.10)

6But godliness *actually* is a means of great gain
when accompanied by contentment. 7For we
have brought nothing into the world, so we
cannot take anything out of it either. 8And if we
have food and covering, with these we shall be
content. 9But those who want to get rich fall
into temptation and a snare and many foolish
and harmful desires which plunge men into ruin
and destruction.

1 Ti-mô-thê 5.24-6.9

24Tội của một số người là quá hiển-nhiên[(1)], đi
trước chúng tới sự phán-xét[(2)]; còn những kẻ
khác, tội của chúng theo[(3)] sau. 25Cũng giống
như vậy, các việc làm lành là quá hiển-nhiên[(4)],
và ngược lại, *cũng có* những việc làm không thể
che giấu được.

Các người nô-lệ (6.1-6.2)

6 **1**Tất cả những kẻ dưới ách là những kẻ nô-lệ
hãy coi chính chủ của mình xứng-đáng mọi
vinh-dự để danh của *Đức* Chúa TRỜI và giáo-
lý *của chúng ta* không bị nói chống lại. 2Và
những kẻ có chủ nhân là tín-nhân chớ bất kính
với họ vì họ là anh em, nhưng hãy phục-dịch họ
nhiều hơn nữa, vì những kẻ dự phần lợi-ích đó
là các tín-nhân và các người yêu-mến. Hãy dạy
và khuyến-khích các *nguyên-tắc* này.

Tránh các sự tranh-luận vô ích (6.3-6.5)

3Nếu kẻ nào ủng-hộ một giáo-lý khác, và
không đồng ý với các lời đúng, các lời của
Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, và với
giáo-lý phù-hợp với sự tin-kính, 4kẻ đó tự-phụ
và không hiểu gì cả; nhưng kẻ đó có một sự
thích thú không lành mạnh trong các câu hỏi
gây tranh-cãi và các tranh-chấp về chữ, từ đó
dấy lên sự ganh-tị, sự xung-đột, lời nói sỉ nhục,
các sự hoài-nghi xấu-xa, 5và sự xích-mích liên
tiếp giữa các người có tâm trí suy đồi và thiếu
thốn lẽ-thật, những kẻ tưởng rằng sự tin-kính là
một phương-tiện có lợi[(5)].

Tham tiền là cội-rễ của tội (6.6-6.10)

6Nhưng sự tin-kính *thật sự* là một phương-tiện
có lợi lớn, khi được kèm theo bởi sự thỏa lòng.
7Vì chúng ta đã chẳng đem một cái gì vào thế-
gian, thế là chúng ta cũng chẳng có thể lấy một
cái gì ra khỏi *thế-gian*. 8Và nếu chúng ta có
thức-ăn và sự che đậy, với những cái này chúng
ta phải thỏa lòng. 9Song những kẻ muốn được
giàu-có sa vào sự cám-dỗ và cái bẫy và nhiều
tham muốn có hại và dại dột làm người ta chìm
ngập vào trong sự đổ nát và sự hủy diệt.

---

[1]hay: lộ ra tỏ-tường
[2]hay: bị người ta xét-đoán trước
[3]hay: lại lộ ra về sau
[4]hay: được tỏ rõ
[5]bản khác thêm: ngươi hãy rút lui khỏi hạng người như thế

1 Ti-mô-thê 6.10-6.20

10Vì tham tiền là cội-rễ của mọi điều xấu, và một số bởi việc khao-khát nó đã lầm đường xa khỏi đức-tin, và đã tự đâm mình với nhiều điều đau-đớn.

Phao-lô khuyến-khích Ti-mô-thê (6.11-6.16)

11Nhưng hãy tránh xa khỏi các việc này, ngươi, người của *Đức* Chúa TRỜI; và hãy theo đuổi sự công-chính, tin-kính, đức-tin, tình thương, bền-chí *và* hòa-nhã. 12Hãy đánh trận-đánh tốt-lành của đức-tin; hãy nắm lấy sự sống đời đời, mà ngươi đã được gọi tới, và ngươi đã làm một sự xưng-nhận tốt trong sự hiện-diện của nhiều nhân-chứng. 13Ta giao nhiệm-vụ cho ngươi trong sự hiện-diện của *Đức* Chúa TRỜI, là Đấng ban sự sống cho mọi vật, và của Cơ-rít-tô Giê-xu, là Đấng đã làm chứng sự xưng-nhận tốt trước mặt Bôn-xơ Phi-lát, 14rằng ngươi phải giữ điều-răn không có vết nhơ hay sự quở trách cho đến khi *có* việc hiện ra của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, 15mà Ngài sẽ lộ ra ở thời-điểm thích-hợp—Ngài là Đấng được chúc-tụng và Đấng Chủ-tể Tối Cao độc-nhất, Vua của những kẻ trị-vì là các vua, và Chúa của những kẻ cai-trị là các chúa; 16Đấng chỉ một mình Ngài có tính bất tử và ngự trong sự sáng không thể đến gần được, Đấng mà chẳng có một người nào đã từng thấy hay có thể thấy được. *Thuộc* về Ngài *là* vinh-dự và quyền thống trị đời đời! A-men.

Răn-bảo các người giàu-có (6.17-6.19)

17Hãy chỉ dạy những kẻ giàu trong thế-gian hiện-tại này đừng tự phụ hay neo hy-vọng của họ vào sự không chắc-chắn của sự giàu-có, nhưng vào *Đức* Chúa TRỜI sống, là Đấng dồi-dào cung-cấp cho chúng ta mọi vật để được hưởng. 18Hãy *chỉ dạy họ* làm điều lành, dồi dào trong các việc làm lành, rộng-lượng và sẵn-sàng chia-sẻ, 19dồn-chứa cho chính họ châu-báu có một nền-tảng tốt-đẹp cho tương-lai, ngõ hầu họ có thể nắm lấy điều quả thật là sự sống đời đời.

Lời chỉ-dạy cuối-cùng của Phao-lô (6.20-6.21)

20Ti-mô-thê ơi, hãy giữ-gìn điều đã được ủy-thác cho ngươi, tránh nói huyên thiên trống-rỗng chuyện thế-gian *và* các lý lẽ chống đối điều được gọi một cách sai-lầm là "kiến-thức"—

1 Timothy 6.10-6.20

10For the love of money is a root of all the evils, and some by longing for it have wandered away from the faith, and pierced themselves with many a pang.

Paul encourages Timothy (6.11-6.16)

11But flee from these things, you man of God, and pursue righteousness, godliness, faith, love, perseverance *and* gentleness. 12Fight the good fight of faith; take hold of the eternal life to which you were called, and you made the good confession in the presence of many witnesses. 13I charge you in the presence of God, who gives life to all things, and of Christ Jesus, who testified the good confession before Pontius Pilate, 14that you keep the commandment without stain or reproach until the appearing of our Lord Jesus Christ, 15which He will show at the proper time—He who is the blessed and only Sovereign, the King of those who reign as kings and Lord of those who rule as lords, 16who alone possesses immortality and dwells in unapproachable light, whom no man has seen or can see. To Him *be* honor and eternal dominion! Amen.

Admonishing the riches (6.17-6.19)

17Instruct those who are rich in this present world not to be conceited or to fix their hope on the uncertainty of riches, but on the living God, who richly supplies us with all things to enjoy. 18*Instruct them* to do good, to be rich in good works, to be generous and ready to share, 19storing up for themselves the treasure of a good foundation for the future, so that they may take hold of that which is eternal life indeed.

Paul's final instructions (6.20-6.21)

20O Timothy, guard what has been entrusted to you, avoiding worldly *and* empty chatter *and* the opposing arguments of what is falsely called "knowledge"—

21which some have professed and thus gone astray concerning the faith.

Grace be with thee.

21mà một số đã tuyên xưng và như vậy đã đi lạc đường về đức-tin.

Xin ân-điển ở cùng ngươi.